

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH B**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HS-ST
Ngày 20-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Hạnh;

Ông Lương Thanh Nhàn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa:***
Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/20223/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1985 tại tỉnh H; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 02/12; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1965; có 05 chị em, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 08/9/2022 đến ngày 17/9/2022, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1978 tại tỉnh H; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Phạm Văn D, sinh năm không rõ (đã chết) và Phạm Thị Ch, sinh năm không rõ (đã chết); có 07 anh chị em, lớn nhất không rõ năm sinh, nhỏ nhất không rõ năm sinh; có chồng tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 08/9/2022 đến ngày 17/9/2022, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Huỳnh Thị Đ1**, sinh năm 1965 tại tỉnh H; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Huỳnh Văn X, năm sinh không rõ (đã chết) và bà Dương Thị L, năm sinh không rõ; có 04 anh em, lớn nhất không rõ năm sinh, nhỏ nhất không rõ năm sinh; có chồng tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959 (đã chết) và có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/01/1998, bị Tòa án nhân dân huyện C, thành phố C xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội: “Trộm cắp tài sản công dân”, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng theo Bản án hình sự sơ thẩm số 25/HSST ngày 10/3/1998. Qua xác minh: Năm 2004, thành phố C chia tách địa giới hành chính, huyện C, thành phố C chia thành quận C, thành phố C và huyện C, tỉnh H, hiện hồ sơ thi hành án của bà Đ1 tại huyện C, tỉnh H bị thất lạc. Bị cáo Đ1 khai đã nộp xong án phí và trong thời gian thử thách không có vi phạm pháp luật; ngày 30/3/2016, bị Công an huyện C, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC, chấp hành xong phạt tiền ngày 06/4/2016; bị bắt tạm giữ từ ngày 08/9/2022 đến ngày 17/9/2022, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Thế T**, sinh năm 1989 tại tỉnh Đ; địa chỉ thường trú: Không có đăng ký thường trú; chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1954 (đã chết); có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2022; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H sống như vợ chồng với Phạm Thị Đ tại phòng số 1 nhà trọ ông Bà Hái thuộc ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B. Huỳnh Thị Đ là mẹ ruột của H ở trọ tại phòng trọ số 4 cùng dãy nhà trọ với H. Nguyễn Thế T có mối quan hệ bạn bè quen biết với H.

Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 07/9/2022, H và Đ đang ở phòng trọ của mình thì T cùng Tèo (không rõ nhân thân, lai lịch) đến chơi và rủ H uống rượu nhưng H không uống. Một lúc sau, Tèo đi về thì H rủ T chơi bài binh Ân Độ thắng thua bằng tiền. H lấy 01 bộ bài tây 52 lá mua trước đó, có sẵn trong phòng cùng T chơi. Sau đó, Đ dọn dẹp phòng xong thì vào tham gia. Một lúc sau, bà Đ1 từ phòng trọ của mình đến phòng H chơi, thấy đánh bạc thì vào tham gia. Khi chơi, T làm cái cho H, Đ và Đ1 làm tay con đặt tiền chơi. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/9/2022 thì bị lực lượng Công an xã P phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: Tiền tang trên chiếu bạc 24.346.000 đồng; tiền thu giữ trên người các bị cáo là 8.295.000 đồng, trong đó: Số tiền 8.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thế T; số tiền 295.000 đồng thu giữ của Phạm Thị Đ và 01 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng.

Cách thức đánh bạc dưới hình thức chơi bài Bình An Độ của Nguyễn Thế T cùng cả nhóm như sau: Khi bắt đầu đánh bạc, người làm cái chia bài từ bộ bài tây (52 lá) cho mỗi người 06 lá. Sau khi nhận được bài, từng người phân bài ra làm 02 chi, mỗi chi 3 lá bài. Cách tính điểm như sau: Quân A (Át) = 1 điểm, Quân 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 tương ứng với số điểm mà chúng thể hiện trên lá bài, Quân J, Q, K = 10 điểm; lớn nhất là 03 lá Tây (K, Q, J), sau đó đến 9 nút bài, nhỏ nhất là bù (10 nút bài). Nếu người nào thắng 02 chi là thắng; thắng 01 chi, thua 01 chi là H và chỉ tính thắng thua với nhà cái. T là người làm cái, số tiền đặt cược mỗi lần ít nhất là 50.000 đồng, nhiều nhất là 300.000 đồng.

Số tiền dùng để đánh bạc của từng người cụ thể như sau:

- Nguyễn Văn H khai: H có 12.000.000 đồng và mục đích sử dụng hết để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H thắng 500.000 đồng, bị thu giữ 12.500.000 đồng trên chiếu bạc

- Nguyễn Thế T khai: T không nhớ mang theo bao nhiêu tiền. T làm cái và lấy ra một ít tiền để dưới chân để chung chi trước, nếu thua T sẽ lấy tiền trong người ra để đánh. Khi bị bắt quả tang, T thắng nhưng không rõ thắng bao nhiêu và bị thu giữ trên chiếu bạc, còn số tiền 8.000.000 đồng bị thu giữ trên người.

- Phạm Thị Đ khai: Đ có 3.495.000 đồng và mục đích sử dụng hết để đánh bạc. Đ lấy 3.200.000 đồng bỏ trên chiếu bạc để đánh bạc, còn 295.000 đồng cất trong túi quần. Khi bị bắt quả tang, Đ thua 100.000 đồng, bị thu giữ số tiền 3.100.000 đồng trên chiếu bạc và số tiền 295.000 đồng trên người.

- Huỳnh Thị Đ1 khai: Đ1 mang theo 990.000 đồng và mục đích sử dụng hết để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Đ1 thua 900.000 đồng, bị thu giữ 90.000 đồng trên chiếu bạc.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1 là 32.641.000 đồng, trong đó: Tiền thu giữ trên chiếu bạc là 24.346.000 đồng, tiền thu giữ trên người các bị cáo dùng để đánh bạc là 8.295.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập có được trong hồ sơ vụ án. Riêng Nguyễn Thế T, không có nơi đăng ký thường trú, ban đầu T khai họ tên là Hoàng Văn S, sinh năm 1993, nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Đ nhằm mục đích không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Tại bản Cáo trạng số 80/CT-VKSBC ngày 03/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị

Đ và Huỳnh Thị Đ1 về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngày 28/4/2023 Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 04/2023/HSST-QĐ với lý do: Làm rõ số tiền mỗi bị cáo bị thu giữ trên chiếu bạc là bao nhiêu trong tổng số tiền tang bị thu giữ trên chiếu bạc 24.346.000 đồng. Làm rõ số tiền bị cáo Nguyễn Thế T mang theo dùng để đánh bạc là bao nhiêu. Xác định lại cha của bị cáo Nguyễn Thế T là Nguyễn Văn K hay Nguyễn Văn K (theo lý lịch bị can, danh chỉ bản, lý lịch cá nhân, trích lục tiền án, tiền sự). Xác định lại thông tin trên lý lịch bị can của Nguyễn Thế T (nội dung lý lịch bị can tên Đặng Thế T). Xác định lại bản gốc chứng minh nhân dân số 272394217 mang tên Hoàng Văn S do Giám đốc Công an tỉnh Đ cấp ngày 21/3/2014 là thật hay được làm giả? Lý do bị cáo Nguyễn Thế T có chứng minh nhân dân này và việc sử dụng chứng minh nhân dân này của bị cáo T? Xem xét hành vi dùng ảnh của bị cáo T để thay thế ảnh trên chứng minh nhân dân này.

Ngày 24/5/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B có Công văn số 64/CV-VKS giữ nguyên quan điểm truy tố đối với vụ án, theo đó xác định: Khi bị bắt quả tang số tiền trên chiếu bạc là 24.346.000 đồng và trong quá trình đánh bạc chỉ có 04 bị cáo tham gia. Do đó, Viện Kiểm sát truy tố căn cứ số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 24.346.000 đồng. Việc các bị cáo khai số tiền mang theo và thu giữ trên chiếu bạc của từng bị cáo theo nội dung cáo trạng là ghi nhận lời khai của các bị cáo. Về số tiền bị cáo T mang theo dùng để đánh bạc thì T khai là khi tham gia đánh bạc T say rượu nên không nhớ số tiền mang theo dùng để đánh bạc là bao nhiêu. Cha của bị cáo Nguyễn Thế T là Nguyễn Văn K. Về chứng minh nhân dân số 272394217 mang tên Hoàng Văn S thì bị cáo T xác định dùng bản sao chứng minh này mà không phải dùng bản gốc nên không đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1 về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T và Phạm Thị Đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T số tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ số tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Thị Đ1. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Đ1 từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 32.641.000 đồng (ba mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng); tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B và nội dung bản Cáo trạng số 80/CT-VKSBC ngày 03/4/2023.

Tại phiên tòa, các bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, tỉnh B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1 đã thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 23 giờ 40 phút ngày 07/9/2022 đến 01 giờ 30 phút ngày 08/9/2022, tại phòng số 1 nhà trọ ông B thuộc ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1 đã có

hành vi cùng nhau đánh bạc dưới hình thức chơi bài Binh Ấn Độ (06 lá) thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 32.641.000 đồng (ba mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Do đó, hành vi mà các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1 đã thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, tác động xấu đến nếp sống văn minh trong xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ pháp luật nước ta nghiêm cấm mọi hoạt động đánh bạc, tổ chức đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức lờ mờ, nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1 không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T và Phạm Thị Đ phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ được áp dụng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Huỳnh Thị Đ1 được áp dụng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, cùng thực hiện hành vi đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Văn H đóng vai trò là người tổ chức, khởi xướng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác tham gia chơi đánh bạc và trực tiếp tham gia; còn các bị cáo Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Văn Đ1 tích cực tham gia đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Thế T làm cái trong suốt quá trình đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 32.641.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét xử lý các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối chiếu với những T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy ngoài bị cáo Đ1 có nhân thân xấu thì các bị cáo còn lại không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn tôn

trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Tại phiên tòa, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Phạm Thị Đ có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt phạt tiền đối với bị cáo vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật mà cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H và Huỳnh Thị Đ1: Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo H và Đ1 cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Nguyễn Thế T: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T luôn thành khẩn khai cáo, ăn năn hối cải. Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Nhận thấy, bị cáo T có khả năng tự cải tạo, thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam đã đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội nên không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù bằng thời giam tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật mà cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, cần trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thế T nếu bị cáo T không bị tạm giam, tạm giữ về tội phạm khác. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1 chưa phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì bị cáo còn phải bị khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy: Theo lý lịch bị can thì bị cáo H làm nghề buôn bán tự do. Tại phiên tòa, bị cáo H xác định trước đây bị cáo buôn bán tự do nhưng sau khi phạm tội bị cáo H không còn làm nghề buôn bán mà chuyển qua làm thuê kiếm sống, không có hợp đồng lao động, thu nhập không ổn định. Bị cáo Đ1 xác định bị cáo lớn tuổi chỉ ở nhà hỗ trợ giữ cháu nên không có thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc khấu trừ thu nhập của các bị cáo H và Đ1 để sung quỹ Nhà nước là không có khả năng thi hành. Do vậy, áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo H và Đ1 là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 32.641.000 đồng (trong đó, tiền trên chiếu bạc là 24.346.000 đồng và tiền thu giữ trên người của các bị cáo là 8.295.000 đồng): Đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội và thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên căn cứ theo khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự

năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng: Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào sử dụng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng. Căn cứ theo khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

[5] Ngày 28/4/2023, tại phiên tòa Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 04/2023/HSST-QĐ vì có căn cứ cho rằng việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngày 24/5/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B có Công văn số 64/CV-VKS-BC giữ nguyên quan điểm truy tố, theo đó Viện Kiểm sát xác định thời điểm đánh bạc chỉ có 04 bị cáo tham gia và khi bị bắt quả tang thì tổng số tiền thu được trên chiếu bạc là 24.346.000 đồng. Viện Kiểm sát căn cứ vào số tiền này để truy tố mà không căn cứ vào lời khai của các bị cáo. Xét, thấy tổng số tiền các bị cáo khai mang theo sử dụng vào mục đích đánh bạc không trùng khớp với tổng số tiền thu giữ được, lời khai về số tiền các bị cáo mang theo dùng để đánh bạc không trùng khớp. Theo hồ sơ vụ án không xác định được trong tổng số tiền 24.346.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc thì của mỗi bị cáo là bao nhiêu. Tuy nhiên, tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận việc các bị cáo tham gia đánh bạc với nhau và tổng số tiền bị thu giữ tại chiếu bạc khi bị bắt quả tang là 24.346.000 đồng, tổng số tiền thu được trên người các bị cáo mà các bị cáo dùng để đánh bạc là 8.295.000 đồng. Các vấn đề còn lại đã được Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B làm rõ. Căn cứ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung nên vẫn tiếp tục giải quyết vụ án căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ phạm tội: “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 08/9/2022 đến ngày 17/9/2022) là 10 ngày tạm giữ (một ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ: 10

ngày x 03 = 30 ngày tương đương 01 tháng). Bị cáo Nguyễn Văn H còn phải chấp hành là 01 (một) năm 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Hoà là ngày Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh B nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án của Tòa án.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị xử phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

2.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Thị Đ1;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Đ1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 08/9/2022 đến ngày 17/9/2022) là 10 ngày tạm giữ (một ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ: 10 ngày x 03 = 30 ngày tương đương 01 tháng). Bị cáo Huỳnh Thị Đ1 còn phải chấp hành là 01 (một) năm 05 (năm) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Huỳnh Thị Đ1 là ngày Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh B nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án của Tòa án.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Đ1 số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Giao bị cáo Huỳnh Thị Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị xử phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

2.3 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Thị Đ;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

2.4 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thế T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T 09 (chín) tháng 12 (mười hai) ngày tù. Thời hạn tù bằng thời gian tạm giam. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thế T ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ về tội phạm khác.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 32.641.000 đồng (ba mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

(Vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữa Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, Lệnh thanh toán ngày 11/4/2023 và Giấy nộp tiền ngày 11/4/2023 tại Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam- chi nhánh thị xã B, tỉnh B)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế T, Phạm Thị Đ và Huỳnh Thị Đ1, mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Công an thị xã B;
- UBND xã P, thị xã B, tỉnh B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Thanh Trúc